TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 01 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO VỀ GIÁ BÁN ĐIỆN

Căn cứ Quyết định số 2892/QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ Công Thương quy định về giá bán điện.

Công ty Điện lực Tây Ninh trân trọng thông báo đến Quý khách hàng sử dụng điện được biết:

Kể từ ngày 01/11/2025, giá bán điện (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) được áp dụng như sau:

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	**Giá bán lẻ điện cho sản xuất**	
1.1	**Cấp điện áp cao áp trên 35 kV**	
1.1.1	**Cấp điện áp từ 220 kV trở lên**	
	a) Giờ bình thường	1.771
	b) Giờ thấp điểm	1.101
	c) Giờ cao điểm	3.110
1.1.2	**Cấp điện áp trên 35 kV đến dưới 220 kV**	
	a) Giờ bình thường	1.792
	b) Giờ thấp điểm	1.123
	c) Giờ cao điểm	3.218
1.2	**Cấp điện áp trung áp (trên 01 kV đến 35 kV)**	
	a) Giờ bình thường	1.814
	b) Giờ thấp điểm	1.166
	c) Giờ cao điểm	3.348
1.3	**Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV**	
	a) Giờ bình thường	1.966
	b) Giờ thấp điểm	1.274
	c) Giờ cao điểm	3.586
2	**Giá bán lẻ điện cho hành chính sự nghiệp**	
2.1	**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục**	
2.1.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV)	1.901
2.1.2	Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV	2.030
2.2	**Chiếu sáng công cộng, đơn vị hành chính sự nghiệp**	

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
2.2.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV)	2.095
2.2.2	Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV	2.181
3	**Giá bán lẻ điện cho kinh doanh**	
3.1	**Giá bán lẻ điện cho cơ sở lưu trú du lịch**	
3.1.1	**Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV)**	
	a) Giờ bình thường	1.814
	b) Giờ thấp điểm	1.166
	c) Giờ cao điểm	3.348
3.1.2	**Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV**	
	a) Giờ bình thường	1.966
	b) Giờ thấp điểm	1.274
	c) Giờ cao điểm	3.586
3.2	**Giá bán lẻ điện cho sạc xe điện**	
3.2.1	**Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV)**	
	a) Giờ bình thường	2.549
	b) Giờ thấp điểm	1.534
	c) Giờ cao điểm	3.758
3.2.2	**Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV**	
	a) Giờ bình thường	2.700
	b) Giờ thấp điểm	1.620
	c) Giờ cao điểm	4.212
3.3	**Giá bán lẻ điện cho kinh doanh khác**	
3.3.1	**Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV)**	
	a) Giờ bình thường	2.829
	b) Giờ thấp điểm	1.577
	c) Giờ cao điểm	4.924
3.3.2	**Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV**	
	a) Giờ bình thường	3.089
	b) Giờ thấp điểm	1.880
	c) Giờ cao điểm	5.313
4	**Giá bán lẻ điện cho sinh hoạt**	
	Bậc 1: Cho kWh đến 100	1.901
	Bậc 2: Cho kWh từ 101 - 200	2.289
	Bậc 3: Cho kWh từ 201 - 400	2.894

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
	Bậc 4: Cho kWh từ 401 - 700	3.456
	Bậc 5: Cho kWh từ 701 trở lên	3.844
5	**Giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện nông thôn (*)**	
5.1	**Giá bán điện cho mục đích sinh hoạt**	
	Bậc 1: Cho kWh đến 100	1.582
	Bậc 2: Cho kWh từ 101 - 200	1.795
	Bậc 3: Cho kWh từ 201 - 400	2.236
	Bậc 4: Cho kWh từ 401 - 700	2.754
	Bậc 5: Cho kWh từ 701 trở lên	3.142
5.2	Giá bán điện cho mục đích khác	1.719
6	**Giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện khu tập thể, cụm dân cư**	
6.1	**Phường (**)**	
6.1.1	**Giá bán điện cho mục đích sinh hoạt**	
6.1.1.1	**Trạm biến áp do Bên bán điện đầu tư**	
	Bậc 1: Cho kWh đến 100	1.773
	Bậc 2: Cho kWh từ 101 - 200	2.085
	Bậc 3: Cho kWh từ 201 - 400	2.651
	Bậc 4: Cho kWh từ 401 - 700	3.207
	Bậc 5: Cho kWh từ 701 trở lên	3.595
6.1.1.2	**Trạm biến áp do Bên mua điện đầu tư**	
	Bậc 1: Cho kWh đến 100	1.746
	Bậc 2: Cho kWh từ 101 - 200	2.023
	Bậc 3: Cho kWh từ 201 - 400	2.570
	Bậc 4: Cho kWh từ 401 - 700	3.137
	Bậc 5: Cho kWh từ 701 trở lên	3.525
6.1.2	Giá bán điện cho mục đích khác	1.734
6.2	**Xã (***)**	
6.2.1	**Giá bán điện cho mục đích sinh hoạt**	
6.2.1.1	**Trạm biến áp do Bên bán điện đầu tư**	
	Bậc 1: Cho kWh đến 100	1.711
	Bậc 2: Cho kWh từ 101 - 200	1.977
	Bậc 3: Cho kWh từ 201 - 400	2.515
	Bậc 4: Cho kWh từ 401 - 700	3.040

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
	Bậc 5: Cho kWh từ 701 trở lên	3.428
6.2.1.2	**Trạm biến áp do Bên mua điện đầu tư**	
	Bậc 1: Cho kWh đến 100	1.683
	Bậc 2: Cho kWh từ 101 - 200	1.933
	Bậc 3: Cho kWh từ 201 - 400	2.409
	Bậc 4: Cho kWh từ 401 - 700	2.936
	Bậc 5: Cho kWh từ 701 trở lên	3.324
6.2.2	Giá bán điện cho mục đích khác	1.734
7	**Giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện sử dụng cho tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt**	
7.1	**Giá bán điện cho mục đích sinh hoạt**	
	Bậc 1: Cho kWh đến 100	1.865
	Bậc 2: Cho kWh từ 101 - 200	2.244
	Bậc 3: Cho kWh từ 201 - 400	2.838
	Bậc 4: Cho kWh từ 401 - 700	3.390
	Bậc 5: Cho kWh từ 701 trở lên	3.778
7.2	**Giá bán điện cho mục đích khác**	
	a) Giờ bình thường	2.929
	b) Giờ thấp điểm	1.782
	c) Giờ cao điểm	5.037
8	**Giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp**	
8.1	**Giá bán điện tại thanh cái 110 kV của trạm biến áp 110 kV/35-22-10-6 kV**	
8.1.1	**Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp lớn hơn 100 MVA**	
	a) Giờ bình thường	1.726
	b) Giờ thấp điểm	1.095
	c) Giờ cao điểm	3.150
8.1.2	**Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp từ 50 MVA đến 100 MVA**	
	a) Giờ bình thường	1.719
	b) Giờ thấp điểm	1.062
	c) Giờ cao điểm	3.137
8.1.3	**Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp dưới 50 MVA**	

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
	a) Giờ bình thường	1.711
	b) Giờ thấp điểm	1.057
	c) Giờ cao điểm	3.118
8.2	**Giá bán điện phía trung áp của trạm biến áp 110/35-22-10-6 kV**	
8.2.1	**Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV**	
	a) Giờ bình thường	1.782
	b) Giờ thấp điểm	1.144
	c) Giờ cao điểm	3.285
8.2.2	**Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV**	
	a) Giờ bình thường	1.782
	b) Giờ thấp điểm	1.144
	c) Giờ cao điểm	3.285
9	Giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện cho chợ	2.762

CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂY NINH